

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 8 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Đa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tú A, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 39, đường L, khóm 4, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 10/10B, đường N, khóm 5, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Tú A, trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành S kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh S hiện đang chấp hành án phạt tù thời gian 17 năm nên mục đích vợ chồng không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/01/2010. Hiện nay chị là người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai, anh Nguyễn Thành S trình bày: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị A trình bày. Hiện nay anh S đang chấp hành án phạt tù và đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/01/2010. Hiện nay chị A là người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn anh S thống nhất tiếp tục giao con cho chị A được nuôi con, anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung và Nợ chung: Anh S xác định không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị A và anh S đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau đúng quy định của pháp luật. Chị A yêu cầu ly hôn với anh S. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với anh Nguyễn Thành S đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Anh S yêu cầu Tòa án không hòa giải vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt anh, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định tại Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị A yêu cầu ly hôn với anh S, vì mục đích hôn nhân không đạt được vì hiện nay anh S đang chấp hành án phạt tù thời gian còn lại khoảng 10 năm. Anh S thống nhất ly hôn với chị A theo như yêu cầu của chị A. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/01/2010. Hiện nay chị A là người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn chị A và anh S thống nhất tiếp tục giao con cho chị A được nuôi con, sự thỏa thuận này của anh S và chị A, phù hợp nguyện vọng của con chung nên có căn cứ công nhận sự thỏa thuận này. Các đương sự không yêu cầu xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh S thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến nay không ai yêu cầu giải quyết trách nhiệm thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình chị Tú Anh phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 7, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tú A được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/01/2010 cho chị Trần Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Thành S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) chị Trần Thị Tú Anh phải nộp. Ngày 26/5/2020 chị Trần Thị Tú A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001888 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Tú A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 2, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu